TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2021/DSPT
Ngày: 26/5/2021
V/v "Tranh chấp chia thừa kế "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Hồ Tuấn Anh.

- *Các Thẩm phán*: Bà Đỗ Thị Thắm.

Ông Lê Xuân Hải.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hùng Cường là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định***: Bà Lữ Thị Xuân Dương - Kiểm sát viên *tham gia phiên tòa*.

Ngày 26 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 64/2020/TLPT-DS ngày 01 tháng 12 năm 2020 về việc "Tranh chấp chia thừa kế".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 162/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Q, bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 67/2021/QĐ-PT ngày 22 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***:

1. Ông Nguyễn Kế L; cư trú tại: Số 76 đường Ng, thị trấn Phú P, huyện T, tỉnh Bình Định.

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Th; cư trú tại: Thôn T, xã N, thị xã A, Bình Định.

3. Ông Nguyễn Kế S.

4. Bà Nguyễn Thị L1.

5. Bà Nguyễn Thị B.

Cùng cư trú tại: Số 15 đường V, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- ***Bị đơn***: Ông Nguyễn Kế Tr; cư trú tại: Số 17 đường V, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (vắng)

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***:

1. Bà Nguyễn Thị Minh H (vắng)

2. Chị Nguyễn Thị Diễm H (vắng)

3. Anh Nguyễn Anh T (vắng)

Cùng cư trú tại số: Số 17 đường V, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Kế L, bà Nguyễn Thị Mỹ Th, ông Nguyễn Kế S, bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị L1 là nguyên đơn.

- *Kháng nghị số 1831/QĐKNPT-VKS-DS ngày 29/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Kế L, bà Nguyễn Thị Mỹ Th, ông Nguyễn Kế S, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị B thống nhất trình bày:

Cụ Nguyễn Thành L2 (chết năm 2006), cụ Lê Thị Nh (chết năm 2007) là cha mẹ của các ông bà. Cha mẹ có 06 người con gồm: Nguyễn Kế L, Nguyễn Thị Mỹ Th, Nguyễn Kế Tr, Nguyễn Kế S, Nguyễn Thị L1 và Nguyễn Thị B.

Tài sản cha mẹ để lại gồm nhà, đất tại số 15 và 17 đường V, thành phố Q theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số AB 631368, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: H 00229 ngày 21/11/2005 của UBND thành phố Q đứng tên cha mẹ. Cha, mẹ chết không để lại di chúc.

Hiện nay nhà số 15 V do bà Nguyễn Thị L1 và bà Nguyễn Thị B quản lý sử dụng; nhà số 17 V do gia đình ông Nguyễn Kế Tr đang quản lý sử dụng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đứng tên cha mẹ do bà L1 đang giữ.

Các ông bà yêu cầu chia thừa kế di sản của cha mẹ để lại là ngôi nhà số 15 và số 17 V, có diện tích theo GCNQSDĐ là 296,44m^2. Cụ thể chia làm 06 phần, trong đó: Mỗi phần có diện tích tương đương 49,4m^2 (chi tiết có bản vẽ kèm theo). Phần nhà do cha mẹ xây dựng để lại không tranh chấp. Đối với vật dụng sinh hoạt trong gia đình, vàng và một số đồ vật trang trí không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Kế Tr trình bày:

Ông thống nhất về hàng thừa kế, nguồn gốc đất, người quản lý đất như nguyên đơn khai báo. Khi cha mẹ còn sống có nói miệng và khuyên các con chia nhau để ở và để lại một lô đất làm nhà thờ cúng.

Nay qua yêu cầu phía nguyên đơn ông có ý kiến:

Thống nhất chia nhà số 15 và số 17 đường V nhưng chia thành 07 lô trong đó 6 lô chia cho 6 người con còn 01 lô để làm nơi thờ cúng do ông quản lý (chi tiết có bản vẽ kèm theo).

Đối với vàng, đồ trang trí gia đình đã phân chia nên không yêu cầu Tòa giải quyết;

Trong quá trình sử dụng nhà số 15 và số 17 đường V từ năm 1994 đến 2009 có tiến hành sửa chữa nhiều lần nên đền bù cho ông 140.000.000 đồng (nhà số 17 V), bà L1 38.000.000 đồng (nhà số 15 V).

Các con trong gia đình góp cúng giỗ hàng năm 4.000.000 đồng, góp tiền xây dựng nhà thờ từ 300.000.000 đồng đến 350.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Minh H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Kế Tr kết hôn vào ngày 09.01.1989. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống chung với cha mẹ ông Trường tại nhà số 15 và số 17 đường V cho đến nay.

Hiện tại nhà số 15 V do bà Nguyễn Thị L1 và bà Nguyễn Thị B quản lý sử dụng. Quá trình sử dụng, có sửa chữa hay không bà không biết. Riêng vợ chồng bà ở nhà số 17 V đã sửa chữa 2 lần: Lần thứ nhất vào năm 2000, lần 2 vào năm 2003, số tiền sửa chữa 2 lần khoảng 150.000.000 đồng do ông Tr tự bỏ tiền làm.

Nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế di sản của cha mẹ chồng bà, bà đề nghị Tòa chia theo quy định pháp luật.

- *Chị Nguyễn Thị Diễm H và anh Nguyễn Anh T:* đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa nên không có lời khai.

Bản án dân sự sơ thẩm số 162/2020/DS-ST của Tòa án nhân dân thành phố Q đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Kế L, ông Nguyễn Kế S, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị Mỹ Th.

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc chia di sản của ông Nguyễn Thành L2, bà Lê Thị Nh để lại theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 631368, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H 00229 ngày 21/11/2005 của UBND thành phố Q cấp với diện tích đất 296,44m^2.

2. Giao diện tích đất số 15 V, thành phố Q, tỉnh Bình Định có diện tích [5,38m x 31,1m] 167,32m^2 cho bà Nguyễn Thị L1 và bà Nguyễn Thị B đồng sở hữu; có tứ cận: Đông giáp nhà ông Nguyễn Kế Tr (17 V), Tây giáp đất bà Nguyễn Thị Đ, Nam giáp đường V, Bắc giáp nhà bà N (số nhà: đường Nguyễn Thị Minh K); sau khi có nghĩa vụ thối lại cho bà Nguyễn Thị Th 2.964.600.000 đồng và ông Nguyễn Kế S 1.146.000.000 đồng.

3. Giao diện tích đất số 17 V, thành phố Q, tỉnh Bình Định có diện tích [296,44m^2 - 167,32m^2] **129,12m**^{2} cho ông Nguyễn Kế Tr sở hữu; có tứ cận: Đông giáp đường Nguyễn Thị Minh K, Tây giáp đất bà Nguyễn Thị L1 và bà Nguyễn Thị B (15 V), Nam giáp đường V, Bắc giáp nhà bà N (số nhà: đường Nguyễn Thị Minh K); sau khi có nghĩa vụ thối lại cho ông Nguyễn Kế L 2.964.600.000 đồng và ông Nguyễn Kế S 1.818.600.000 đồng.

4. Bác yêu cầu phía nguyên đơn chia theo hiện vật (đất) thành 06 phần vì không phù hợp.

5. Bác yêu cầu ông Nguyễn Kế Tr chia diện tích 296,44m^2 thành 07 phần vì các nguyên đơn không đồng ý và không phù hợp theo quy định pháp luật.

6. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB631368, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H 00229 ngày 21/11/2005 của UBND thành phố Q cấp là 296,44m^2 hiện nay do bà Nguyễn Thị L1 giữ; bà L1 có trách nhiệm cùng với bà B và ông Tr tách diện tích đã phân chia khi án có hiệu lực pháp luật theo dúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 10/10/2020, nguyên đơn ông Nguyễn Kế L, bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Kế S, bà Nguyễn Thị L1 và bà Nguyễn Thị B kháng cáo yêu cầu chia diện tích đất của cha mẹ để lại tại số 15 và số 17 đường V, thành phố Q, tỉnh Bình Định bằng hiện vật cho 06 người con, mỗi phần là 49,40m^2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định và kháng cáo của các nguyên đơn; sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ông Nguyễn Kế Tr là bị đơn trong vụ án và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Nguyễn Thị Minh H, chị Nguyễn Thị Diễm H và anh Nguyễn Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hàng thừa kế:

Cụ Nguyễn Thành L2 (chết năm 2006), cụ Lê Thị Nh (chết năm 2007) có 06 người con là: Nguyễn Kế L, Nguyễn Thị Mỹ Th, Nguyễn Kế Tr, Nguyễn Kế S, Nguyễn Thị L2 và Nguyễn Thị B. Cụ L2 và cụ Nh đều không để lại di chúc.

[2.2] Về di sản:

Các đương sự đều thống nhất tài sản của vợ chồng cụ L2 là nhà gắn liền với quyền sử dụng đất tại số 15 và số 17 đường V, thành phố Q, tỉnh Bình Định thuộc thửa đất số 234, tờ bản đồ số 21, diện tích 296,4m^2 (loại đất ở) theo GCNQSDĐ số AB 631368, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: H 00229 ngày 21/11/2005 của UBND thành phố Q đứng tên hai cụ và một số vật dụng sinh hoạt gia đình, vàng và một số trang sức.

Nguyên đơn ông Nguyễn Kế L, bà Nguyễn Thị Mỹ Th, ông Nguyễn Kế S, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị B yêu cầu chia thừa kế di sản của

cha mẹ để lại là quyền sử dụng đất tại số nhà 15 và 17 V, diện tích theo GCNQSDĐ là 296,4m^2, diện tích đo đạc thực tế là 296,46m^2. Cụ thể chia làm 06 phần, trong đó: mỗi phần có diện tích tương đương 49,41m^2 (chi tiết có bản vẽ kèm theo). Phần nhà do cha mẹ xây dựng để lại xây dựng từ năm 1963 nên không tranh chấp mà trên phần đất người nào được chia có phần nhà do cha mẹ để lại thì người đó được sở hữu. Đối với vật dụng sinh hoạt trong gia đình, vàng và một số đồ vật trang trí không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Kế Tr thống nhất về hàng thừa kế, về di sản cha mẹ để lại và thống nhất chia bằng hiện vật đối với đất tại số 15 và số 17 đường V nhưng ông yêu cầu chia thành 07 lô trong đó 06 lô chia cho 06 người con còn 01 lô để làm nơi thờ cúng do ông quản lý. Đối với vật dụng sinh hoạt trong gia đình, vàng và một số đồ vật trang trí ông không yêu cầu giải quyết.

Xét yêu cầu của các bên đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Thửa đất số 234, tờ bản đồ số 21, diện tích 296,4m^2 (loại đất ở) tại số 15 và số 17 đường V, thành phố Q, tỉnh Bình Định là của vợ chồng cụ Nguyễn Thành L2, Lê Thị Nh đã được UBND thành phố Q cấp GCNQSDĐ ngày 21/11/2005. Trên thửa đất này vợ chồng cụ L2 đã xây dựng nhà ở từ năm 1963. Hiện nay nhà số 15 V do bà Nguyễn Thị L1 và bà Nguyễn Thị B quản lý sử dụng, nhà số 17 V do gia đình ông Nguyễn Kế Tr đang quản lý sử dụng. Theo ông Tr, quá trình sử dụng nhà số 17 V từ năm 1994 đến 2009 gia đình ông đã sửa chữa nhiều lần với tổng chi phí 140.000.000 đồng, bà L1 bỏ chi phí 38.000.000 đồng để sửa chữa nhà 15 V nên các thừa kế phải thanh toán lại cho ông và bà L1 số tiền nêu trên. Tuy nhiên, tại Tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bà L1 không yêu cầu đối với số tiền mà bà đã bỏ ra để sửa chữa nhà. Còn các nguyên đơn thì cho rằng năm 2000 và năm 2003 gia đình ông Tr có sửa chữa nhà số 17 V (phần nhà của cha mẹ do ông Tr đang quản lý, sử dụng) để phục vụ cho sinh hoạt của gia đình ông Tr. Ngoài ra, các nguyên đơn còn cho rằng ông Tr còn mở rộng cổng nhà cha mẹ làm nơi để xe ô tô cũng phục vụ cho việc làm ăn của gia đình ông Tr vì vậy nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu của ông Trường về việc thanh toán lại giá trị phần sửa chữa nhà.

[2.3] Phân chia di sản:

Sau khi vợ chồng cụ Nguyễn Thành L2 chết, ngày 11/10/2009 ông Tr lập Văn bản phân chia tài sản thừa kế nhưng văn bản này không có chữ ký của các thừa kế như ông Nguyễn Kế L, bà Nguyễn Thị Mỹ Th, ông Nguyễn Kế S, bà Nguyễn Thị L1 và bà Nguyễn Thị B. Ngày 17/7/2012, các thừa kế của vợ chồng cụ L2 gồm: Ông L, bà Th, ông S, bà L1 và bà B lập Văn bản phân chia chia sản nhưng văn bản này không có chữ ký của ông Tr. Vì vậy cả 02 văn bản nêu trên đều không có giá trị pháp lý.

[2.3.1] Phân chia di sản theo giá trị:

Thửa đất số 234, tờ bản đồ số 21, diện tích 296,46m^2 (loại đất ở) tại số nhà 15 và 17 V, thành phố Q của vợ chồng cụ L2 được chia đều cho 06 thừa

kế của hai cụ, mỗi thừa kế được hưởng 49,41m^2. Theo Biên bản định giá tài sản ngày 16/4/2021, giá đất ở (theo thị trường) là 60.000.000 đồng/m^2 nên giá trị của mỗi kỷ phần thừa kế là 2.964.600.000 đồng (49,41m^2 x 60.000.000 đồng/m^2).

[2.3.2] Phân chia bằng hiện vật:

Nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất số 234, tờ bản đồ số 21, diện tích 296,46m^2 (loại đất ở) tại số nhà 15 và 17 V, thành phố Q thành 06 phần, mỗi phần 49,41m^2 trong đó chiều rộng phía trước và phía sau của các lô đất đều lớn hơn 04 m (theo sơ đồ do nguyên đơn cung cấp) là phù hợp với quy định tại Điều 3 và Điều 4 Quyết định số 40/2014/QĐ-UB ngày 25/12/2014 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Định. Tuy nhiên, việc phân chia thửa đất theo nguyên đơn sẽ ảnh hưởng đến kết cấu phần nhà số 17 V hiện do ông T và gia đình ông Tr đang quản lý sử dụng. Mặt khác, ông Tr không đồng ý với cách chia của các nguyên đơn mà yêu cầu chia thửa đất thành 07 phần trong đó 06 phần chia cho 06 người con còn 01 phần sử dụng làm nhà thờ cúng do ông quản lý. Yêu cầu của ông Tr là không phù hợp với Quyết định số 40/2014/QĐ-UB ngày 25/12/2014 của UBND Bình Định nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 11/5/2021, các nguyên đơn thống nhất yêu cầu chia thửa đất thành 05 lô trong đó bà B và bà L1 quản lý, sử dụng chung 01 lô, giao cho ông Tr nhận lô trong đó có phần nhà số 17 V còn lại ông L, ông S và bà Th mỗi người nhận 01 lô, người nào nhận lô có diện tích vượt quá một kỷ phần phải thanh toán giá trị chênh lệch cho người thiếu. Yêu cầu của các nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Việc phân chia đất cụ thể như sau:

- Chia giao cho bà Nguyễn Thị L1 và bà Nguyễn Thị B được quyền sử dụng diện tích đất 98,50m^2, giới cận:

Đông giáp phần đất chia cho ông Nguyễn Kế L và ông Nguyễn Kế Tr

Tây giáp nhà ông Đ.

Nam giáp đường V.

Bắc giáp phần đất chia cho bà Nguyễn Thị Th.

(ký hiệu 1 trên sơ đồ)

So với 01 kỷ phần thừa kế được hưởng là 49,41m^2, bà B và bà L1 còn thiếu 0,3m^2 x 60.000.000 đồng/m^2 = 19.200.000 đồng.

- Chia giao cho ông Nguyễn Kế L được quyền sử dụng diện tích đất 49,80m^2, giới cận:

Đông giáp đường Nguyễn Thị Minh K.

Tây giáp giáp phần nhà đất chia cho bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị L1.

Nam giáp đường V.

Bắc giáp phần nhà đất chia cho ông Nguyễn Kế Tr.

(ký hiệu 2 trên sơ đồ)

So với 01 kỷ phần thừa kế được hưởng là 49,41m^2, ông L thừa 0,39m^2 x 60.000.000 đồng/m^2 = 23.400.000 đồng.

- Chia giao cho ông Nguyễn Kế Tr được sử dụng diện tích đất 49,65 m2 và được sở hữu phần nhà có gác lửng xây dựng trên đất, giới cận:

Đông giáp đường Nguyễn Thị Minh K.

Tây giáp phần nhà đất chia cho bà Nguyễn Thị L1 và bà Nguyễn Thị B.

Nam giáp phần nhà đất chia cho ông Nguyễn Kế L.

Bắc giáp phần đất chia cho bà Nguyễn Thị Th.

(ký hiệu 3 trên sơ đồ).

So với 01 kỷ phần thừa kế được hưởng là 49,41m^2, ông Tr thừa 0,24m^2 x 60.000.000 đồng = 14.400.000 đồng.

Đối với yêu cầu của ông Tr đòi các nguyên đơn phải thanh toán cho ông số tiền mà ông đã chi phí để sửa chữa nhà số 17 V nhưng các nguyên đơn không đồng ý. Xét thấy phần đất chia giao cho ông Tr bao gồm phần nhà số 17 V do ông Trường và gia đình ông đang quản lý, sử dụng nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của ông Tr.

- Chia giao cho bà Nguyễn Thị Mỹ Th được quyền sử dụng diện tích đất 48,71m^2, giới cận:

Đông giáp đường Nguyễn Thị Minh K.

Tây giáp nhà ông Đ.

Nam giáp phần nhà đất chia cho bà L1, bà B và ông Nguyễn Kế L.

Bắc giáp phần đất chia cho ông Nguyễn Kế S.

(ký hiệu 4 trên sơ đồ)

So với 01 kỷ phần thừa kế được hưởng là 49,41m^2, bà Thọ bị thiếu 0,70m^2 x 60.000.000 đồng/m^2 = 42.000.000 đồng.

- Chia giao cho ông Nguyễn Kế S được quyền sử dụng diện tích đất 49,80m^2, giới cận:

Đông giáp đường Nguyễn Thị Minh K.

Tây giáp nhà ông Đ.

Nam giáp phần đất chia cho bà Nguyễn Thị Th.

Bắc giáp nhà bà N.

(ký hiệu 4 trên sơ đồ)

So với 01 kỷ phần thừa kế được hưởng là 49,41m^2, ông S thừa 0,39m^2 x 60.000.000 đồng = 23.400.000 đồng.

Lẽ ra ông L, ông Tr và ông Sơ phải thanh toán chênh lệch cho những thừa kế bị thiếu diện tích nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bà L, bà B, bà Th đều thống nhất không yêu cầu các ông L, Tr và S phải thanh toán phần chênh

lệch tài sản. Đây là sự tự nguyện của các đương sự không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản được hưởng trong khối di sản thừa kế. Tuy nhiên, ông L là người cao tuổi nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326, ông L được miễn toàn bộ án phí.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm là 11.000.000 đồng. Tại phiên tòa, ông L, ông S, bà Th, bà L1 và bà B tự nguyện chịu. Việc tự nguyện của các nguyên đơn không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của các nguyên đơn được chấp nhận nên theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326, các nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định và kháng cáo của các nguyên đơn; sửa bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Điều 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 7 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận kháng nghị số 1831/QĐKNPT-VKS-DS ngày 29/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định, kháng cáo của các nguyên đơn; sửa bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Kế L, ông Nguyễn Kế S, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị Mỹ Th về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của vợ chồng cụ Nguyễn Thành L2, cụ Lê Thị Nh là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 234, tờ bản đồ số 21, diện tích 296,46m^2 (loại đất ở) tại số nhà 15 và 17 V, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

2. Thửa đất số 234, tờ bản đồ số 21, diện tích 296,46m^2 (loại đất ở) tại số nhà 15 và 17 V, thành phố Q, tỉnh Bình Định được chia như sau:

- Bà Nguyễn Thị L1 và bà Nguyễn Thị B được quyền sử dụng phần đất có diện tích 98,50m^2, giới cận:

Đông giáp phần đất chia cho ông Nguyễn Kế L và ông Nguyễn Kế Tr.

Tây giáp nhà ông Đ.

Nam giáp đường V.

Bắc giáp phần đất chia cho bà Nguyễn Thị Th.

(ký hiệu 1 trên sơ đồ)

- Ông Nguyễn Kế L được quyền sử dụng phần đất có diện tích 49,80m^2, giới cận:

Đông giáp đường Nguyễn Thị Minh K.

Tây giáp giáp phần nhà đất chia cho bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị L.

Nam giáp đường V.

Bắc giáp phần nhà đất chia cho ông Nguyễn Kế Tr.

(ký hiệu 2 trên sơ đồ)

- Ông Nguyễn Kế Tr được sử dụng phần đất có diện tích 49,65m^2 và được sở hữu phần nhà có gác lửng xây dựng trên đất, giới cận:

Đông giáp đường Nguyễn Thị Minh K.

Tây giáp phần nhà đất chia cho bà Nguyễn Thị L1 và bà Nguyễn Thị B.

Nam giáp phần nhà đất chia cho ông Nguyễn Kế L.

Bắc giáp phần đất chia cho bà Nguyễn Thị Th.

(ký hiệu 3 trên sơ đồ).

- Bà Nguyễn Thị Mỹ Th được quyền sử dụng phần đất có diện tích 48,71m^2, giới cận:

Đông giáp đường Nguyễn Thị Minh K.

Tây giáp nhà ông Đ.

Nam giáp phần nhà đất chia cho bà L1, bà B và ông Nguyễn Kế L.

Bắc giáp phần đất chia cho ông Nguyễn Kế S.

(ký hiệu 4 trên sơ đồ)

- Ông Nguyễn Kế S được quyền sử dụng phần đất có diện tích 49,80m^2, giới cận:

Đông giáp đường Nguyễn Thị Minh K.

Tây giáp nhà ông Đ.

Nam giáp phần đất chia cho bà Nguyễn Thị Th.

Bắc giáp nhà bà N.

(ký hiệu 5 trên sơ đồ)

3. Công nhận tự nguyện của bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị L1 không yêu cầu ông Nguyễn Kế L, ông Nguyễn Kế Tr và ông Nguyễn Kế S thanh toán cho các bà phần chênh lệch tài sản.

Trên phần đất giao cho người nào có vật kiến trúc thì người đó được hưởng.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Kế L được miễn toàn bộ.

- Ông Nguyễn Kế Tr phải chịu 91.580.000 đồng.

- Ông Nguyễn Kế S phải chịu 91.760.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Th phải chịu 90.452.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị L mỗi người phải chịu 91.100.000 đồng.

5. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Kế L, ông Nguyễn Kế S, bà Nguyễn Thị Th bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị L1 chịu 11.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tại cấp phúc thẩm (đã nộp xong)

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Kế L, ông Nguyễn Kế S, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị Mỹ Th không phải chịu. Ông L, ông S, bà L, bà Th và bà B mỗi người được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo các Biên lai số 0003005, 0003004, 0003003, 0003002 và 0003001 ngày 10/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

Các quyết định khác của bản an sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thành phố Q;
- Chi cục thành phố Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(*đã ký và đóng dấu*)

Hồ Tuấn Anh